

KẾ HOẠCH

Hoạt động chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 1753/KH - SYT ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Sở Y tế về phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-KSBT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024;

Căn cứ kế hoạch số 162/KH-KSBT ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang về việc hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2024;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thực trạng tình hình triển khai công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh của Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản trong toàn huyện năm 2024;

Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản xây dựng kế hoạch hoạt động Chương trình CSSKSS năm 2024 như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung.

Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản của người dân, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh, đặc biệt ưu tiên các vùng khó khăn để giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng; Đồng thời tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ mẹ sang con

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ, thực hiện tốt làm mẹ an toàn, chăm sóc, tư vấn sàng lọc trước sinh, mục đích theo dõi sức khỏe bà mẹ và quá trình phát triển thai nhi, phát hiện dị tật sơ sinh, bệnh tật mẹ.

2.2. Nâng cao tình trạng sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản giảm tai biến sản khoa, giảm tử vong sơ sinh và tử vong mẹ.

2.3. Duy trì vững chắc xu thế giảm sinh, bảo đảm quyền sinh con và lựa chọn các biện pháp tránh thai có chất lượng của phụ nữ và các cặp vợ chồng. Giảm có thai ngoài ý muốn và các tai biến do nạo hút thai. Giảm tỷ lệ nạo phá thai so với năm 2023. Tỷ lệ phụ nữ nạo phá thai được tư vấn về tác hại của nạo phá thai và cách đề phòng: 100%.

2.4. Cải thiện tình hình sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thông qua việc giáo dục, tư vấn và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với lứa tuổi.

2.5. Nâng cao công tác dự phòng HIV, viêm gan B và Giang mai lây truyền từ mẹ sang con.

II. Công tác Chăm sóc SKSS

- * Công tác lập Kế hoạch và thống kê, báo cáo;
- * Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ ;
- * Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em;
- * Công tác phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản;
- * Cung cấp dịch vụ KHHGD;
- * Phòng lây truyền 03 bệnh HIV - VG - GM từ mẹ sang con.
- * Giám sát - hỗ trợ kỹ thuật.

1. Các chỉ tiêu chuyên môn.

1.1. Chỉ tiêu Kế hoạch hóa gia đình.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao 2024	Ghi chú
1	Tổng các biện pháp tránh thai		1302	
2	Dụng cụ tử cung	Người	250	
3	Thuốc uống tránh thai	Người	500	
4	Thuốc tiêm tránh thai	Người	50	
5	Thuốc cây tránh thai	Người	2	
6	Bao cao su	Người	500	

1.2 Chỉ tiêu chăm sóc Sức khỏe bà mẹ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao 2024	Ghi chú
1	Phá thai	Ca	8	
2	Khám phụ khoa	Lượt	1970	
3	Điều trị phụ khoa	Lượt	886	
4	Tổng số trẻ đẻ trong năm	Người	238	
	+ Trong đó: số đẻ tuổi vị thành niên	Người	12	
5	Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần/3 thời kỳ	Người	231	
	+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai >4 lần	%	90	
6	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được Chăm sóc sau đẻ	%	97	

7	Số ca tử vong mẹ	Ca	0	
8	Tỷ suất tử vong mẹ trên trên 100.000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	

1.3 Chỉ tiêu Chăm sóc sức khỏe trẻ em

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Sở Y tế giao 2024	Ghi chú
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	238	
	+ Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	
2	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	2	
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	
3	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ	3	
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	

1.4 Chỉ tiêu dự phòng lây truyền 3 bệnh HIV-VG-GM từ mẹ sang con.

Chỉ tiêu phụ nữ có thai được tư vấn và được xét nghiệm HIV

TT	Đơn vị	Số phụ nữ đẻ năm 2024	Số phụ nữ được tư vấn HIV năm 2024 (90%)	Số phụ nữ tự nguyện xét nghiệm máu năm 2024 (70%)	Ghi chú
	Tổng	238	214	166	

- 90% phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện; trong đó 70% được xét nghiệm sàng lọc HIV.

- 90% bà mẹ nhiễm HIV được chuyển gửi thành công đến cơ sở chăm sóc và điều trị HIV/AIDS, được tiếp tục quản lý, chăm sóc và điều trị ARV;

Chỉ tiêu viêm gan B:

- 70% phụ nữ đẻ được tư vấn, xét nghiệm sàng lọc viêm gan B trong thời kỳ mang thai;

- 85% Trẻ sơ sinh được tiêm vắc xin viêm gan B trong vòng 24 giờ đầu;

Chỉ tiêu giang mai:

- 70% phụ nữ đẻ được tư vấn, xét nghiệm sàng lọc giang mai trong thời kỳ mang thai.

- 70% phụ nữ mang thai mắc viêm gan B được tư vấn

2. Các hoạt động chính.

Thực hiện theo kế hoạch hoạt động Chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản Tỉnh

Tham mưu với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tỉnh các giải pháp về hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn huyện, đặc biệt tập trung vào tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em, giảm mang thai; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, hỗ trợ CSSKSS trẻ em phù hợp với độ tuổi.

2.1 Thông tin - giáo dục - truyền thông và tuyên truyền vận động.

- Phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan đến các chính sách, các nội dung giáo dục quần chúng về sức khỏe sinh sản với các hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết và khuyến khích các gia đình, các cặp vợ chồng, các cá nhân tự nguyện tham gia thực hiện các mục tiêu về sức khỏe sinh sản.

- Sử dụng đa dạng hình thức truyền thông, phát triển các loại tài liệu truyền thông thích hợp với từng nhóm đối tượng. Nâng cao năng lực truyền thông trực tiếp cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ ở các tuyến và truyền thông viên tại cộng đồng. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2.2 Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

- Tăng cường công tác quản lý thai: Các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa. Thực hiện đỡ đẻ có kỹ năng, an toàn, không sang chấn, nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý trong "1000 ngày đầu đời";

- Tăng cường công tác tư vấn xét nghiệm sàng lọc viêm gan B cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đẻ và các đối tượng có nguy cơ. Đảm bảo các cơ sở sản khoa có sinh đều có sẵn vắc-xin viêm gan B để tiêm cho trẻ sơ sinh, thực hiện tốt việc tư vấn tiêm vắc-xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong vòng 24 giờ.

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và phối hợp với khoa truyền thông- giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

- Triển khai sổ Theo dõi Sức khỏe bà mẹ trẻ em theo QĐ số 140/QĐ- BYT ngày 20/01/2020.

2.3 Công tác chăm sóc sức trẻ em

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe trẻ em và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe trẻ em.

- Triển khai Chương trình CSDD 1000 ngày đầu đời nhằm phòng chống SDD bà mẹ trẻ em, nâng cao tầm vóc người VN (theo QĐ số 1896/QĐ-TTg ngày

25/12/2019 của Thủ tướng CP).

- Thực hiện và triển khai các hoạt động trong tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn Bộ Y tế.

2.4 Phòng chống NKĐSS/NKLQBTĐ và HIV/AIDS

- Cung cấp thông tin về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản.

- Tổ chức lồng ghép các đợt khám, điều trị phụ khoa với tư vấn phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Thực hiện tốt tư vấn và xét nghiệm dự phòng lây truyền HIV/AIDS cho bà mẹ mang thai để phát hiện sớm và có cách dự phòng, giảm tỉ lệ lây truyền từ mẹ sang con.

- Có kế hoạch cho cán bộ làm công tác Sức khỏe sinh sản xét nghiệm đưa Test nhanh HIV dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con đến tận xã, phường nơi có thực hiện dịch vụ Sức khỏe sinh sản.

- Quản lý, phân loại nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục.

- Dự phòng và phát hiện sớm các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tiến tới dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con bao gồm cả giang mai và viêm gan B.

2.5 Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn

- Cung cấp thông tin về kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn.

- Thực hiện tốt việc quản lý số liệu thực hiện KHHGD tại các địa phương.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD cần có sẵn các phương tiện, dụng cụ tránh thai. Đảm bảo việc tư vấn, vận động sử dụng biện pháp tránh thai

2.6 Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc sinh sản cho nam giới theo Hướng dẫn Quốc gia về dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn sức khỏe phụ nữ cao tuổi, điều trị các rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh, giúp cải thiện sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tổ chức truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên - thanh niên, thực hiện công tác truyền thông/nói chuyện chuyên đề về “Chăm sóc sức khỏe

sinh sản VTN-TN”.

2.7 Công tác giám sát - chỉ đạo tuyến

- Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các xã 4 lần/năm.

- Giám sát hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nâng cao chất lượng công tác khám thai, quản lý thai phát hiện nguy cơ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trước, trong và sau đẻ; sự phối hợp trong việc chuyển tuyến cấp cứu an toàn cho bà mẹ và trẻ em, hồi sức cấp cứu trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, đặc biệt trong việc xử lý cấp cứu, hồi sức sơ sinh tại phòng đẻ.

- Triển khai thực hiện theo QĐ 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 về “Người đỡ đẻ có kỹ năng và chăm sóc thiết yếu sức khỏe BM & TSS trong và ngay sau đẻ”;

- Giám sát nâng cao chất lượng công tác thống kê, báo cáo, đáp ứng kịp thời và tin cậy của các số liệu cần thu thập theo Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 về việc quy định Hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với tuyến huyện và xã. Việc sử dụng phần mềm tổng hợp báo cáo thống kê hệ SKSS.

- Giám sát việc triển khai thực hiện QĐ số 7130/QĐ-BYT ngày 29/11/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia tiên tiến loại trừ HIV, Viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con giai đoạn 2018-2030 và QĐ số 2834/QĐ-BYT ngày 04/07/2019 về việc “Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng HIV, Viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con” theo qui định BHYT.

2.8 Tổ chức hệ thống cung cấp dịch vụ.

- Kế hoạch hoá gia đình: Thực hiện đa dạng hoá, xã hội hoá các biện pháp tránh thai, cung cấp rộng rãi các phương tiện tránh thai, cung cấp đầy đủ bao cao su và các biện pháp để kết hợp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS.

- Bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau khi sinh; chăm sóc sơ sinh thiết yếu ngay sau sinh theo chuẩn Hướng dẫn Quốc gia.

- Thực hiện hướng dẫn áp dụng lựa chọn BPTT phù hợp.

- Dự phòng và điều trị các nhiễm khuẩn đường sinh sản, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS theo Hướng dẫn Quốc gia về Chăm sóc SKSS.

2.9 Xã hội hoá, hợp tác liên ngành.

- Huy động sự tham gia của nhân dân, của toàn xã hội vào việc thực hiện các hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua việc lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản vào các kế hoạch, chương trình hành động của các ngành, các đoàn thể, các địa phương.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các ban, ngành, đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2.10 Đào tạo - tập huấn cho mạng lưới CSSKSS

Gửi đào tạo và đào tạo lại cho NVYT hiện có của mạng lưới CSSKSS tại tuyến cơ sở; cập nhật kiến thức mới, kỹ năng để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đặc biệt là đối với những cán bộ mới của hệ thống sức khỏe sinh sản.

Thực hiện *chuyên đề về Sức khỏe sinh sản vị thành niên* tổ chức cho tất cả cán Bộ Y tế cơ sở trên toàn huyện

Gửi Đào tạo, tập huấn như sau:

- + Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ .
- + Đào tạo về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI)
- + Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các về Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường Sinh sản.
- + Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các về Cung cấp dịch vụ KHHGD
- + Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về Cung cấp dịch vụ SKSS cho vị thành niên thực hiện.
- + Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về Cung cấp dịch vụ Nam học.
- + Triển khai, hướng dẫn của Bộ Y tế về dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con
- + Đào tạo về tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai, xét nghiệm bằng test nhanh tại cơ sở, và hướng dẫn điều trị, chuyển tiếp những thai phụ đã và đang điều trị HIV, dự phòng tốt lây truyền HIV từ mẹ sang con.
- + Hướng dẫn triển khai về các dịch vụ dự phòng HIV, Vi rút viêm gan B (HBV), giang mai lây truyền từ mẹ sang con. Quyết định Bộ Y tế số 2834/BYT- BM-TẾ ngày 04/7/2019.

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo tuyến, phân công cán bộ phụ trách xã và dự họp lệ theo qui định.

Nâng cao chất lượng thu thập số liệu CSSKSS, quản lý số liệu, thống kê báo cáo định kỳ, đột xuất đúng quy định, đảm bảo thông tin đúng và chính xác theo TT 37/TT-BYT ngày 31/12/2019.

Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định 5315/QĐ-BYT ngày 26/12/2014 về việc phê duyệt tài liệu “Hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin báo cáo lồng ghép CSSKSS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con”;

Tiếp tục triển khai sử dụng sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ trẻ em.

Huy động sự tham gia của nhân dân, của toàn xã hội vào việc thực hiện các hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua việc lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản vào các kế hoạch, chương trình hành động của các ngành, các đoàn thể, các địa phương.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các ban, ngành, đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3. Các giải pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch giao cho mạng lưới SKSS năm 2024, cần phối hợp chặt chẽ với địa phương. Các giải pháp sau cần được ưu tiên thực hiện:

- Lồng ghép các dịch vụ KHHGD, từng bước lồng ghép một số các hoạt động mới của SKSS. Gắn thông tin - giáo dục truyền thông với nâng cao chất lượng dịch vụ trong xã hội hóa các biện pháp tránh thai; Giảm tỷ lệ nạo hút thai và đảm bảo phá thai an toàn;

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn tư vấn và phòng chống các bệnh lây qua đường tình dục, nhiễm khuẩn đường sinh sản, tầm soát ung thư cổ tử cung bằng axit axetic; test nhanh HIV cho phụ nữ mang thai phòng lây truyền 3 bệnh (HIV, giang mai, viêm gan B) từ mẹ sang con trong các cơ sở cung cấp dịch vụ SKSS cả hệ thống công lập và ngoài công lập;

- Tăng cường công tác Quản lý thai tại các tuyến y tế cơ sở, Các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa.

- Thực hiện Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong lúc đẻ theo QĐ 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014; Nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý.

- Tham gia công tác đào tạo lại cho Nữ hộ sinh, cập nhật hướng dẫn Quốc gia về SKSS trong năm 2023, tăng cường kiến thức và kỹ năng về các kỹ thuật thích hợp; đặc biệt là về các lĩnh vực tư vấn, phòng chống nhiễm khuẩn, xử lý cấp cứu sản khoa.

Đẩy mạnh các hoạt động sức khỏe sinh sản vị thành niên, ở trường học nhằm đáp ứng nhu cầu CS.SKSS vị thành niên và nam học, động viên sự tham gia của nam giới trong lĩnh vực chăm sóc SKSS;

III. Kế hoạch kinh phí

Kinh phí: Sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên của chương trình SKSS đã được phê duyệt năm 2024 theo qui định./.

Nơi nhận:

- TTKSBT tỉnh (để báo cáo);
- BGĐ TTYT (để chỉ đạo);
- Các khoa/phòng, Trạm Y tế;
- Lưu: VT, ttphuong.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cẩn

PHỤ LỤC. BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH – TTYT ngày tháng năm 2024

của Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao cho các đơn vị thực hiện năm 2024			
				Hòn Tre	Lại Sơn	An Sơn	Nam Du
A	Chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình						
	Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai Trong đó	Lượt	1302	312	365	313	312
1	Triệt sản	Lượt	0	0	0	0	0
2	Vòng tránh thai	Lượt	250	60	70	60	60
3	Thuốc uống tránh thai	Lượt	500	120	140	120	120
4	Thuốc tiêm tránh thai	Lượt	50	12	14	12	12
5	Thuốc cấy tránh thai	Lượt	2	0	1	1	0
6	Bao cao su	Lượt	500	120	140	120	120
B	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe bà mẹ						
1	Phá thai	Ca	8	2	2	2	2
2	Khám phụ khoa	Lượt	1970	485	515	485	485
3	Điều trị phụ khoa	Lượt	886	215	240	216	215
4	Số phụ nữ đẻ trong năm	Người	238	57	67	57	57
	+ Trong đó: số đẻ tuổi vị thành niên	Người	12	2	6	2	2

5	Phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần	Ca	214	52	58	52	52
	+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai ≥ 4 lần	%	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0
6	Bà mẹ và trẻ em sơ sinh được chăm sóc sau đẻ	Ca	231	56	63	56	56
	+ Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ	%	97,0	97,0	97,0	97,0	97,0
7	Số ca tử vong mẹ	Ca	0	0	0	0	0
8	Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ ra sống	‰					
C	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe trẻ em						
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	238	57	67	57	57
	+ Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	100	100	100	100
2	Số trẻ tử vong < 1 tuổi	Trẻ	2				
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰					
3	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ	3				
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰					
D	Lây truyền HIV từ mẹ sang con						
1	Số phụ nữ có thai được tư vấn	Người	214	52	58	52	52
2	Số phụ nữ có thai được xét nghiệm máu	Người	166	40	46	40	40